TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **11**/2025/QĐST-VHNGĐ	*Biên Hòa, ngày 03 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2713/2024/TLST-VHNGĐ ngày 03/12/2024 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Trần Xuân S**, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: A, tổ dân phố A, phường AB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ liên hệ: B, tổ B, khu phố B, phường TN, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Dương Thị Trúc Q**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: C, đường C, khu phố C, phường QT (nay là khu phố D, phường TD), thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hai Vợ Chồng tôi đã kết hôn vào ngày 21 tháng 06 năm 2021 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 28/2021 tại UBND phường QT. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng hơn 1 năm về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng và hai gia đình cũng đã can thiệp nhưng chúng tôi vẫn không thể kiềm chế được nỗi bức xúc mỗi khi cùng chung sống trong cùng một mái nhà. Nay chúng tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân thành phố BH xem xét giải quyết cho chúng tôi được thuận tình ly hôn để cả hai chúng tôi ổn định, mỗi người sớm có cuộc sống mới.

[2]. Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3]. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Xuân S và bà Dương Thị Trúc Q phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000

đồng *(ba trăm nghìn đồng*) ông Trần Xuân S và bà Dương Thị Trúc Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004734 ngày 12/11/2024.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Xuân S và bà Dương Thị Trúc Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Xuân S và bà Dương Thị Trúc Q phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) ông Trần Xuân S và bà Dương Thị Trúc Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004734 ngày 12/11/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- UBND phường QT (nay là phường TD), thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (GCNKH 28 ngày 21/06/2021);
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Hồng Ngọc